



dēng shàng

登上

verb · climb onto, board

Example Sentences

Tā men dēng shàng le shān dǐng

他们登上了山顶。

They climbed to the top of the mountain.

Tā dēng shàng le fēi wǎng běi jīng de fēi jī

她登上了飞往北京的飞机。

She boarded the plane to Beijing.

Zhè wèi gē shǒu dēng shàng le guó jì wǔ tái

这位歌手登上了国际舞台。

This singer stepped onto the international stage.

Trace each character, then write the word on your own.

登	登	登	登	登	登	登	登	登	登	登
登	登	登	登							
上	上	上	上	上	上					